

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29
Phụ lục	30 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trước đây là một bộ phận của Viện thiết kế quy hoạch thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội thiết kế công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 08 tháng 12 năm 2016. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn, lập và thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế, dự toán và tổng dự toán; Tư vấn đấu thầu; Quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng cho các công trình cấp nước, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường; Công trình dân dụng và công nghiệp; Công trình giao thông; Công trình thủy lợi; Công trình hạ tầng kỹ thuật; Công trình cấp điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây điện cao thế và trạm biến áp; Lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, lập quy hoạch chi tiết xây dựng cho: Đô thị, nông thôn và khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp; Thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán thẩm tra thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động đo đạc bản đồ; Khảo sát địa hình, địa chất công trình, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích: đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Vietnam Water, Sanitation and Environment Joint Stock Company. Tên viết tắt: VIWASE.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Như Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Đoàn Nam Anh	Ủy viên
Ông Trần Đức Toàn	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên
Ông Phùng Ngọc Quang	Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hiền Hoà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/05/2016)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2017

Số: 156/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam, được lập ngày 08/3/2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2017*

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		62.251.128.477	83.198.046.788
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.285.839.245	29.485.535.133
1. Tiền	111		2.785.839.245	13.165.535.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	16.320.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	15.900.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.900.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.234.958.852	33.560.533.598
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	16.098.962.216	12.155.715.548
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	975.477.192	3.073.219.041
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	8.160.519.444	18.331.599.009
IV. Hàng tồn kho	140		11.187.370.386	18.496.770.358
1. Hàng tồn kho	141	5.6	11.187.370.386	18.496.770.358
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.642.959.994	1.655.207.699
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	711.108.788	778.515.156
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		407.255.175	42.059.175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		524.596.031	834.633.368
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		27.813.126.396	19.342.026.458
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.875.973.361	5.896.439.213
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	9.787.409.127	5.728.031.887
- Nguyên giá	222		12.438.287.552	7.926.775.233
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.650.878.425)	(2.198.743.346)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	88.564.234	168.407.326
- Nguyên giá	228		288.859.900	288.859.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(200.295.666)	(120.452.574)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		116.069.000	76.549.000
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	116.069.000	76.549.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	17.821.084.035	12.973.362.110
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.621.749.605	10.389.749.605
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.375.000.000	2.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(175.665.570)	(166.387.495)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	395.676.135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	-	395.676.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		90.064.254.873	102.540.073.246

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		37.471.158.954	64.637.392.923
I. Nợ ngắn hạn	310		37.471.158.954	64.637.392.923
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	3.042.290.834	1.430.605.485
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	14.737.107.936	37.938.703.301
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	178.180.393	954.590.491
4. Phải trả người lao động	314		7.622.965.625	2.740.004.054
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	9.761.033.046	19.608.522.449
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.129.581.120	1.964.967.143
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		52.593.095.919	37.902.680.323
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	52.583.095.919	37.892.680.323
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	21.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	21.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.754.235	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.580.149.036	10.160.498.280
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.974.192.648	6.732.182.043
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.974.192.648	6.732.182.043
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		10.000.000	10.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		90.064.254.873	102.540.073.246

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Người lập



Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Ngô Lan Phương

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

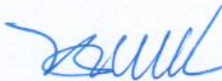
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	157.191.372.908	112.307.607.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		157.191.372.908	112.307.607.395
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	136.600.976.600	96.372.934.993
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		20.590.396.308	15.934.672.402
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	1.758.371.303	1.493.044.516
7. Chi phí tài chính	22	5.18	83.303.552	166.932.772
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	8.817.171.226	9.011.797.749
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		13.448.292.833	8.248.986.397
11. Thu nhập khác	31		174.652.728	399.903.803
12. Chi phí khác	32		45.000.000	151.826.240
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	129.652.728	248.077.563
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		13.577.945.561	8.497.063.960
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.21	2.603.752.913	1.764.881.917
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.974.192.648	6.732.182.043
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	3.048	3.206

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016

1	CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1	2	3	4	5
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	10.974.192.648	6.732.182.043
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
	- Khấu hao tài sản cố định	02	531.978.171	469.950.881
	- Các khoản dự phòng	03	9.278.075	166.387.495
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	704.580	305.846
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.758.371.303)	(1.473.924.936)
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	9.757.782.171	5.894.901.329
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.270.416.083	(3.570.776.620)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.309.399.972	10.517.327.955
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(25.620.601.456)	3.989.926.026
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	463.082.503	(302.034.893)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.496.653.800)	(1.606.001.480)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</i>	20	(3.316.574.527)	14.923.342.317
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.551.032.319)	(217.417.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	568.550.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.900.000.000)	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.232.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	375.000.000	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	1.758.371.303	1.473.924.936
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</i>	30	(23.549.661.016)	1.825.057.936
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	9.027.244.235	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.360.000.000)	(6.668.251.248)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính</i>	40	5.667.244.235	(6.668.251.248)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(21.198.991.308)	10.080.149.005
	<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	29.485.535.133	19.405.691.974
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	(704.580)	(305.846)
	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	8.285.839.245	29.485.535.133

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Văn Tuấn

Lê Thị Thu Hương

Ngô Lan Phương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là một bộ phận của Viện thiết kế quy hoạch thành phố - Bộ Kiến trúc, cùng với sự phát triển của đất nước qua từng thời kỳ, Công ty được mang các tên gọi khác nhau là Đội thiết kế công nghệ - Viện Thiết kế Quy hoạch thành phố thuộc Bộ Kiến trúc, Viện Thiết kế Công trình kỹ thuật Thành phố - Bộ Kiến trúc; Xí nghiệp thiết kế cấp thoát nước - Bộ Xây dựng. Năm 1993, Xí nghiệp được thành lập lại là Công ty Thiết kế Cấp thoát Nước, doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 55A/BXD - TCLĐ ngày 05 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 27 tháng 4 năm 1995, Công ty Thiết kế Cấp thoát nước đổi tên thành Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam. Ngày 31 tháng 5 năm 2002, Công ty Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam đổi tên thành Công ty Nước và Môi trường Việt Nam.

Công ty chuyển mô hình hoạt động thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1427/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 16 tháng 10 năm 2006. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103014795 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 08 tháng 12 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 36.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35,35%
Các cổ đông khác	2.327.400	23.274.000.000	64,65%
Tổng	3.600.000	36.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2016: 311 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: khảo sát địa hình, địa chất, địa chất công trình, địa chất thủy văn, môi sinh, môi trường, thí nghiệm không khí, đất và nước; thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán và thẩm tra thiết kế, tổng dự toán và dự toán các công trình dân dụng công nghiệp; tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý dự án các công trình cấp, thoát nước, chất thải rắn và vệ sinh môi trường, bao gồm: lập và thẩm tra các Báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, hồ sơ thiết kế, tổng dự toán; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về tư vấn, xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công lắp đặt; thiết kế điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến thế điện; quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; giám sát thi công xây dựng; lập quy hoạch chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khoá trao tay;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích: đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2016 là: tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư như sau:

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	18,56%	18,56%	SX, KD nước sạch
2	Công ty CP Đầu tư phát triển An Việt	42,25%	42,25%	Khai thác và KD nước sạch
3	Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	48,81%	48,81%	Tư vấn
4	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	48,97%	48,97%	Tư vấn
5	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	44,48%	44,48%	Tư vấn

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư số 147/2016/TT- BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Năm 2016
(số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 05
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan: Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là: tư vấn, tổng thầu tư vấn, lập quy hoạch chuyên ngành, khảo sát, thiết kế, quản lý các công trình cấp nước, thoát nước, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật, chất thải rắn và vệ sinh môi trường và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	36.406.420	134.643.991
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.749.432.825	13.030.891.142
Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	16.320.000.000
Tổng	8.285.839.245	29.485.535.133

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.2 Đầu tư tài chính**5.2.1. Ngắn hạn****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số

- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	15.900.000.000	15.900.000.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</i>	13.800.000.000	13.800.000.000		
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội- CN ĐBP</i>	2.100.000.000	2.100.000.000		

5.2.2. Dài hạn**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.621.749.605	15.621.749.605	10.389.749.605	10.389.749.605
Cty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	882.000.000	882.000.000	882.000.000	882.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	10.564.000.000	10.564.000.000	5.332.000.000	5.332.000.000
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	1.855.800.000	1.855.800.000	1.855.800.000	1.855.800.000
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	1.385.860.000	1.385.860.000	1.385.860.000	1.385.860.000
Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	934.089.605	934.089.605	934.089.605	934.089.605
Đầu tư dài hạn khác	2.375.000.000	2.199.334.430	2.750.000.000	2.583.612.505
Công ty CP BĐS Lilama Land	375.000.000	375.000.000	750.000.000	750.000.000
Công ty CP BĐS An Việt	2.000.000.000	1.824.334.430	2.000.000.000	1.833.612.505
Tổng	17.996.749.605	17.821.084.035	13.139.749.605	12.973.362.110
		(175.665.570)		(166.387.495)

(*): Hợp đồng tiền gửi trên 3 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

5.2.2. Dài hạn (Tiếp theo)

Chi tiết các công ty liên doanh, liên kết như sau:

STT	Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Cty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	Xã Minh Thành, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh	18,56%	18,56%	SX, KD nước sạch
2	Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	Đường Lê Quang Đạo, phường Đông Ngàn, Tx Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	42,25%	42,25%	Khai thác và KD nước sạch
3	Công ty CP Nước, MT và HKT Sài Gòn	179 Đinh Tiên Hoàng, phường DaKao, quận 1, TP HCM	48,81%	48,81%	Tư vấn
4	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông	Số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	48,97%	48,97%	Tư vấn
5	Công ty CP TV và ĐTXD Hạ tầng Lạc Việt	số 9 Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	44,48%	44,48%	Tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	16.098.962.216	12.155.715.548
<i>BQL dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
- 37 Lê Đại Hành, HN	1.550.180.000	592.400.000
<i>BQLDA tín dụng Jica SPI VI</i>		
- Công ty TNHH ITV KDNS tỉnh Lào Cai	-	3.106.226.900
<i>Ban QLDA phát triển tỉnh Khánh Hòa (tên cũ BQL dự án cải thiện VSMT TP Nha Trang)</i>	3.137.818.330	-
<i>Công ty TNHH ITV thoát nước Hà Nội</i>	629.978.800	1.252.526.400
<i>Trung tâm nước sinh hoạt và VSMT nông thôn Vĩnh Phúc</i>	1.745.464.000	1.745.464.000
<i>Công ty TNHH Long Phương - DA BT NMN Mặt Bắc Ninh - KCN Hạp Lĩnh, tp.Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh</i>	1.518.317.000	-
<i>Công ty cổ phần nước sạch Vinaconex (vivasupco) - Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình</i>	809.453.685	-
<i>Ban QLDA GMSII Thành phố Móng Cái - Hòa Lạc, Móng Cái, Quảng Ninh</i>	820.844.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	5.886.906.401	5.459.098.248
Tổng	16.098.962.216	12.155.715.548

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	975.477.192	3.073.219.041
<i>TCT tư vấn XD Thủy Lợi VN - CTCP</i>	-	931.856.000
<i>Công ty cổ phần Thang máy Tân Tiến</i>	-	415.992.148
<i>Công ty CP nước, môi trường và HTKT Sài Gòn (Sài Gòn Weico)</i>	392.667.299	1.356.771.000
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	582.809.893	368.599.893
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	392.667.299	1.356.771.000
<i>Công ty CP nước, môi trường và HTKT Sài Gòn (Sài Gòn Weico)</i>	392.667.299	1.356.771.000
Tổng	975.477.192	3.073.219.041

5.5 Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	8.160.519.444		18.331.599.009	
Phải thu người lao động	1.086.386.944	-	1.830.489.619	-
Phải thu người lao động về thuế TNCN	835.764.728	-	521.928.959	-
Tiền cổ tức phải thu	-	-	185.580.000	-
Tạm ứng	5.926.363.417	-	11.979.029.441	-
Phải thu khác	312.004.355	-	3.814.570.990	-
Tổng	8.160.519.444	-	18.331.599.009	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.187.370.386	-	18.496.770.358	-
Tổng	11.187.370.386	-	18.496.770.358	-

5.7 Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	4.595.204.098	658.326.374	2.673.244.761	7.926.775.233
Tăng trong năm	3.190.213.418	-	1.321.298.901	4.511.512.319
Mua trong năm	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.190.213.418	-	1.321.298.901	4.511.512.319
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	7.785.417.516	658.326.374	3.994.543.662	12.438.287.552
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	1.183.446.232	379.451.847	635.845.267	2.198.743.346
Tăng trong năm	128.945.088	54.860.508	268.329.483	452.135.079
Khấu hao trong năm	128.945.088	54.860.508	268.329.483	452.135.079
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	1.312.391.320	434.312.355	904.174.750	2.650.878.425
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	3.411.757.866	278.874.527	2.037.399.494	5.728.031.887
Tại 31/12/2016	6.473.026.196	224.014.019	3.090.368.912	9.787.409.127

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2016 với giá trị là 570.624.348 đồng, tại 31/12/2015 là 570.624.348 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định (Tiếp theo)

b. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2016	288.859.900	288.859.900
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>288.859.900</u>	<u>288.859.900</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2016	120.452.574	120.452.574
Tăng trong năm	79.843.092	79.843.092
Khấu hao trong năm	79.843.092	79.843.092
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2016	<u>200.295.666</u>	<u>200.295.666</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2016	<u>168.407.326</u>	<u>168.407.326</u>
Tại 31/12/2016	<u>88.564.234</u>	<u>88.564.234</u>

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày 01 tháng 01	76.549.000	-
Tăng	4.551.032.319	76.549.000
Kết chuyển tài sản cố định	4.511.512.319	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>116.069.000</u>	<u>76.549.000</u>
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Cải tạo trụ sở Công ty	-	76.549.000
Cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm	116.069.000	-
Tổng	<u>116.069.000</u>	<u>76.549.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Chi phí trả trước

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.174.191.291	872.156.398
Tăng	711.108.788	778.515.156
Giảm trong năm	1.174.191.291	476.480.263
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	<i>1.174.191.291</i>	<i>476.480.263</i>
Tại ngày 31 tháng 12	711.108.788	1.174.191.291
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	711.108.788	778.515.156
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	711.108.788	778.515.156
b) Dài hạn	-	395.676.135
Chênh lệch giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi XDGTĐN cổ phần hóa	-	395.676.135
Tổng	711.108.788	1.174.191.291

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.042.290.834	3.042.290.834	1.430.605.485	1.430.605.485
Ban QLDA KV Đầu tư và XD huyện Cần Giờ	171.999.520	171.999.520	171.999.520	171.999.520
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD Việt Vương	146.846.804	146.846.804	146.846.804	146.846.804
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	674.236.431	674.236.431	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Việt Nam	357.500.000	357.500.000	-	-
Công ty CP TV XD Giao thông Lào Cai	371.271.822	371.271.822	371.271.822	371.271.822
Phải trả các đối tượng khác	1.320.436.257	1.320.436.257	740.487.339	740.487.339
Trong đó Phải trả người bán là các bên liên quan	298.588.703	298.588.703	418.588.703	418.588.703
Cty CP Tư vấn và ĐTXD Hạ tầng Phương Đông (OCI)	120.000.000	120.000.000	240.000.000	240.000.000
Công ty CP Đầu tư, Công nghệ MT và HTKT Lạc Việt (LAVIC)	178.588.703	178.588.703	178.588.703	178.588.703
Tổng	3.042.290.834	3.042.290.834	1.430.605.485	1.430.605.485

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.737.107.936	37.938.703.301
BQL DA Thoát nước Hà Nội	568.600.000	9.981.842.076
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Đô thị thành phố	2.463.031.494	7.208.086.457
Ban QLDA đầu tư CSHT phát triển bền vững Tp Lào Cai	1.100.000.000	1.100.000.000
Ban quản lý TW các dự án thủy lợi	1.392.094.736	1.366.127.000
Người mua trả tiền trước khác	9.213.381.706	18.282.647.768
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Tổng	14.737.107.936	37.938.703.301

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	Dư nợ 01/01/2016	Dư có 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Dư nợ 31/12/2016	Dư có 31/12/2016
Thuế giá trị gia tăng	42.059.175	586.285.635	5.446.202.703	6.397.684.338	407.255.175	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	368.304.856	2.603.752.913	3.496.653.800	524.596.031	-
Thuế thu nhập cá nhân	834.633.368	-	1.994.480.136	981.666.375	-	178.180.393
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	208.670.024	208.670.024	-	-
Tổng	876.692.543	954.590.491	10.253.105.776	11.084.674.537	931.851.206	178.180.393

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	9.761.033.046	19.608.522.449
- Bảo hiểm xã hội;	-	81.286.038
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	9.761.033.046	19.527.236.411
<i>Phải trả các đội nhận khoán</i>	<i>9.709.927.780</i>	<i>9.279.826.910</i>
<i>Nhận trước tiền góp vốn</i>	<i>-</i>	<i>9.027.244.235</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>51.105.266</i>	<i>1.220.165.266</i>
Tổng	9.761.033.046	19.608.522.449

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẤU B 09 - DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	21.000.000.000	-	8.884.037.659	6.058.424.825	35.942.462.484
Tăng trong năm	-	-	1.276.460.621	6.732.182.043	8.008.642.664
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	6.732.182.043	6.732.182.043
Trích lập các quỹ	-	-	1.276.460.621	-	1.276.460.621
Giảm trong năm	-	-	-	6.058.424.825	6.058.424.825
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.276.460.621	1.276.460.621
Chi cổ tức	-	-	-	3.360.000.000	3.360.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.421.964.204	1.421.964.204
Số dư tại 31/12/2015	21.000.000.000	-	10.160.498.280	6.732.182.043	37.892.680.323
Số dư tại 01/01/2016	21.000.000.000	-	10.160.498.280	6.732.182.043	37.892.680.323
Tăng trong năm	15.000.000.000	28.754.235	1.418.470.756	10.974.192.648	27.421.417.639
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	10.974.192.648	10.974.192.648
Trích lập các quỹ	-	28.754.235	1.418.470.756	-	1.447.224.991
Tăng vốn (*):	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Giảm trong năm	-	-	5.998.820.000	6.732.182.043	12.731.002.043
Chia trả cổ tức	-	-	-	3.360.000.000	3.360.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.418.470.756	1.418.470.756
Tăng vốn CSH từ các quỹ	-	-	5.998.820.000	-	5.998.820.000
Trích quỹ khen thưởng nhúc lợi	-	-	-	1.953.711.287	1.953.711.287
Số dư tại 31/12/2016	36.000.000.000	28.754.235	5.580.149.036	10.974.192.648	52.583.095.919

(*): Theo Nghị quyết số 08/NQ-DHCD-VIWAASE ngày 12/09/2015, Nghị quyết số 09/NQ-VIWAASE-HDQT ngày 23/09/2015, Công văn số 7884/UBCK-QLPH ngày 22/12/2015 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Nghị quyết số 03/NQ-DHCD-VIWAASE ngày 15/04/2016, Nghị quyết số 10/NQ-HDQT-VIWAASE ngày 17/08/2016, Công văn số 6041/UBCK-QLCB ngày 09/09/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/NQ-HDQT-VIWAASE ngày 17/10/2016, Công văn số 7336/UBCK-QLCB ngày 8/11/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	31/12/2016	Tỷ lệ
		(VND)	sở hữu %
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP	1.272.600	12.726.000.000	35,35
Các cổ đông khác	2.327.400	23.274.000.000	64,65
Tổng	3.600.000	36.000.000.000	100

5.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	15.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	36.000.000.000	21.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.360.000.000	3.360.000.000

5.14.4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Trong năm 2016, Công ty có 2 đợt phát hành tăng vốn điều lệ gồm:

- Đợt 1 vào tháng 1 năm 2016, hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng với giá trị 9.000.000.000 đồng với mục đích theo Nghị quyết số 09/NQ- VIWASE- HĐQT ngày 23/09/2015 để bổ sung vốn lưu động và mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Việt.
- Đợt 2 vào tháng 11 năm 2016, hình thức phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với số tiền: 6.001.510.000 đồng với mục đích theo Nghị quyết số 10/NQ- VIWASE- HĐQT ngày 17/08/2016 để mở rộng Nhà máy nước Văn Lâm và Cải tạo, nâng cấp Văn phòng Công ty, trang thiết bị văn phòng

Căn cứ vào tình hình thực tế, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu, Công ty đã sử dụng như sau:

TT	Nội dung chi	Số tiền (đồng)
1	Chuyển khoản mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Việt	5.332.000.000
2	Ký quỹ hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức	3.300.000.000
Tổng:		8.632.000.000

5.14.5. Cổ phiếu

	Năm 2016 Cổ phiếu	Năm 2015 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	2.100.000
Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	2.100.000
Cổ phiếu quỹ	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	154.194.541.133	107.616.167.791
Doanh thu vật tư, xây lắp	2.771.159.674	4.534.149.152
Doanh thu kinh doanh nước sạch	225.672.101	157.290.452
Tổng	157.191.372.908	112.307.607.395

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế	133.348.590.960	91.187.697.890
Trong đó:		
- Lương	61.344.589.775	37.181.064.914
- Chi phí chung	72.004.001.185	54.006.632.976
Giá vốn vật tư, xây lắp	2.768.085.121	4.736.881.640
Giá vốn kinh doanh nước sạch	484.300.519	448.355.463
Tổng	136.600.976.600	96.372.934.993

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	939.798.698	936.510.336
Cổ tức và lợi nhuận được chia	652.885.600	537.414.600
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.687.005	19.119.580
Doanh thu từ bán cổ phiếu	150.000.000	-
Tổng	1.758.371.303	1.493.044.516

5.18 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.629.988	236.731
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	704.580	308.546
Chi phí bán cổ phiếu	68.690.909	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	9.278.075	166.387.495
Tổng	83.303.552	166.932.772

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.799.861.500	3.783.141.311
Chi phí đồ dùng văn phòng	704.164.569	412.275.743
Chi phí khấu hao TSCĐ	280.737.432	255.572.738
Thuế, phí, lệ phí	45.707.197	118.066.967
Phân bổ lợi thế kinh doanh doanh nghiệp	395.676.135	395.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.062.490.512	2.730.906.493
Chi phí bằng tiền khác	1.528.533.881	1.316.234.497
Tổng	8.817.171.226	9.011.797.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.20 Lợi nhuận khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý TSCĐ, CCDC	-	245.371.075
Thu từ cho thuê cửa hàng, văn phòng	117.152.728	147.032.728
Thu từ chấm dứt hợp đồng lao động	7.500.000	7.500.000
Thu nhập khác	50.000.000	-
Tổng	174.652.728	399.903.803
Chi phí khác		
Tiền phạt thuế	-	13.957.425
Chi phí khác	45.000.000	137.868.815
Tổng	45.000.000	151.826.240
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	129.652.728	248.077.563

5.21 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	13.577.945.561	8.497.063.960
Điều chỉnh tăng		
+ <i>Thu lao HĐQT không làm việc trực tiếp</i>	93.704.580	62.541.170
+ <i>Tiền phạt và truy thu thuế và tiền khác</i>	48.000.000	48.000.000
+ <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	45.000.000	13.957.425
	704.580	583.745
Điều chỉnh giảm		
+ <i>Cổ tức được chia</i>	652.885.600	537.414.600
	652.885.600	537.414.600
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	13.018.764.541	8.022.190.530
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.603.752.913	1.764.881.917
Tổng	2.603.752.913	1.764.881.917

5.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.974.192.648	6.732.182.043
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.974.192.648	6.732.182.043
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	3.600.000	2.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.048	3.206

5.23 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	72.696.543.506	43.187.354.118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	531.978.171	469.950.881
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.639.226.310	6.948.007.277
Chi phí khác bằng tiền	47.001.232.076	36.219.996.649
Tổng	126.868.980.063	86.825.308.925

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	1.384.770.000	1.318.216.000

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Thầu phụ	2.206.717.000	663.963.132
Công ty CP TV và ĐTXDHT Phương Đông	Thầu phụ	109.090.909	1.537.175.139
Công ty CP TV và ĐTXDHT Lạc Việt	Thầu phụ	-	204.545.455
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	Thầu phụ	124.800.000	1.417.903.820
Giao dịch bán hàng			
Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	Thiết kế	-	394.945.000
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng Hạ tầng Phương Đông	Thiết kế	109.058.182	-

Số dư với bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu			
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Phải thu khác	-	185.580.000
Các khoản phải trả			
Công ty CP Nước, MT và HTKT Sài Gòn	Phải trả người bán	66.854.237	66.854.237
Công ty CP TV và ĐTXDHT Phương Đông	Phải trả người bán	120.000.000	240.000.000
Công ty CP TV và ĐTXDHT Lạc Việt	Phải trả người bán	178.588.703	178.588.703
Công ty CP Đầu tư phát triển An Việt	Phải trả người bán	137.280.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển An Việt	Có TK131	54.485.010	54.485.010

6.2 Một số chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1.	Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	30,88	18,86
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	69,12	81,14
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41,60	63,04
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	58,40	36,96
2.	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,66	1,29
2.2	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,66	1,29
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,46
3.	Tỷ suất sinh lời			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	8,64	7,57
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	6,98	5,99
3.2	Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	%	15,08	8,29
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	12,18	6,57
3.3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20,87	17,77

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2017

Người lập



Lê Thị Thu Hương

Kế toán trưởng



Ngô Lan Phương

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn